

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	3
A. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023.....	3
B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	4
C. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN.....	5
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	6
1.1 Đặc điểm tự nhiên.....	6
1.2. Các nguồn tài nguyên.....	8
1.3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	12
1.4. Về đất đai.....	12
II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	12
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	12
2.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	12
2.1.2. Kết quả thực hiện các dự án được ghi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	19
2.1.3. Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2022.....	25
2.1.4. Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020.....	26
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 ...	28
2.2.1 Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	28
2.2.2 Đối với các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 nhưng chưa triển khai thực hiện.....	29
2.2.3. Đề xuất xử lý các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.....	29
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	30
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023.....	31
3.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.....	31
3.1.1. Chỉ tiêu kinh tế.....	31
3.1.2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội.....	31
3.1.3. Chỉ tiêu Môi trường.....	32
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	32
3.2.1. Số lượng dự án thực hiện trong năm 2023.....	32
3.2.1.1. Các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.....	33

3.2.2. Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2023	36
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	36
3.3.1. Đất nông nghiệp	38
3.3.2. Đất phi nông nghiệp	39
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	41
3.4.1. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng.....	41
3.4.2. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính	42
3.4.2. Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2023.....	43
3.5. Diện tích đất cần thu hồi đất trong năm 2023	44
3.6. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2023	45
3.6.1. Các công trình dự án sử dụng vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi trong năm kế hoạch.....	46
3.6.2. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách Nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.	46
3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất	47
IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	48
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	48
4.1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất	48
4.1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường	49
4.2. Giải pháp về nguồn lực	50
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất... ..	50
4.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện	50
4.3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất.....	51
4.4. Giải pháp khác.....	52
4.4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ	52
4.4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ.....	52
4.4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án	52
V. KẾT LUẬN	53

ĐẶT VẤN ĐỀ

A. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

Tại khoản 2 Điều 37 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm” và căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Thực hiện quy định trên, UBND huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5386/QĐ-UBND ngày 31/12/2021. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được phê duyệt, có phát sinh một số nhu cầu sử dụng đất mang tính quan trọng, cấp bách, cần phải được thực hiện ngay trong năm 2022 nên UBND huyện Vĩnh Cửu đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan lập thủ tục bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện, trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 7/9/2022.

Qua một năm triển khai thực hiện, có thể khẳng định Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn cũng như phục vụ kịp thời mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung. Bên cạnh đó, kế hoạch sử dụng đất cũng bộc lộ một số tồn tại, bất cập nhất định như: chưa rà soát kỹ khả năng đáp ứng của các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn; chưa lường hết những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện;... dẫn đến việc dự báo nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 chưa thật sát với khả năng thực hiện.

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; Thông tư số 01/2020/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu với các nội dung chính sau đây:

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020; trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và

chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

2. Yêu cầu

- Việc Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định 43/2014/NĐ-CP); Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2019/NĐ-CP); Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (sau đây gọi tắt là Thông tư 01/2021/TT-BTNMT);

C. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vĩnh Cửu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021;
 - Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;
 - Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai.
 - Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất qua các năm.
 - Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;
 - Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 và kết quả thống kê năm 2021 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;
 - Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2022; các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;
- Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1 Đặc điểm tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Huyện Vĩnh Cửu nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Đồng Nai. Có tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 10°55'59" đến 11°31'45" vĩ độ Bắc, từ 106°53'51" đến 107°13'43" kinh độ Đông; có tổng diện tích tự nhiên là 108.914,44 ha, gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó thị trấn Vĩnh An là trung tâm hành chính của huyện. Ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Đồng Phú và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước;
- Phía Đông giáp huyện Tân Phú và huyện Định Quán;
- Phía Nam và Đông Nam giáp thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom;
- Phía Tây giáp huyện Tân Uyên tỉnh Bình Dương.

Huyện Vĩnh Cửu là cửa ngõ phía Bắc của thành phố Biên Hòa, có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là lĩnh vực quốc phòng, bảo vệ tài nguyên nước, rừng và môi trường sinh thái. Huyện có nhiều tuyến giao thông thủy - bộ quan trọng như: Tỉnh lộ 761, Tỉnh lộ 762, Tỉnh lộ 767, Tỉnh lộ 768 kết nối với Quốc lộ 1A và Quốc lộ 20, cầu Thủ Biên kết nối đường Vành đai 4 - là tuyến đường huyết mạch để giao lưu vận chuyển hàng hóa với tỉnh Bình Dương,...; hệ thống sông Đồng Nai, hồ Trị An,... có nguồn nước phong phú, trữ lượng lớn phục vụ cho tưới tiêu nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; có nhiều cảnh quan nổi tiếng như: Hồ Trị An, khu di tích lịch sử chiến khu Đ, các khu vườn cây ăn trái ven sông Đồng Nai,... thuận lợi cho phát triển dịch vụ du lịch sinh thái - tham quan nghiên cứu.

b. Địa hình

Vĩnh Cửu nằm trong khu vực chuyển tiếp từ vùng đồng bằng của hạ lưu sông Đồng Nai lên vùng cao, huyện có 2 dạng địa hình chính gồm địa hình đồi và địa hình đồng bằng.

- Địa hình đồi: chiếm gần 80% diện tích tự nhiên, phân bố tại các xã phía Bắc huyện (Phú Lý, Mã Đà, Hiếu Liêm) và xen kẽ tại một số xã phía Nam của huyện. Cao trình cao nhất khoảng 340 mét, trung tâm huyện có cao trình khoảng 100 - 120 mét và thấp dần xuống phía Nam 10 - 20 mét. Khu vực có nền địa chất tương đối vững chắc, chủ yếu hình thành trên nền đá phiến sét, đá bazan, phù sa cổ, thuận lợi cho sản xuất nông - lâm nghiệp và xây dựng và phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật, bố trí dân cư, đô thị.

- Địa hình đồng bằng: tương đối bằng phẳng, chiếm khoảng 7% diện tích tự nhiên, phân bố ở các xã phía Tây Nam của huyện (Bình Lợi, Thanh Phú, Tân Bình, Thiện Tân, Bình Hòa). Với cao trình phổ biến: nơi cao 10 - 20 mét, nơi thấp từ 1 - 2 mét, nền mẫu chất chính là trầm tích trẻ Holocene không vững chắc, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lúa nước, hoa màu và cây ăn quả,... do đó nền địa chất của khu vực này kém thuận lợi cho việc xây dựng các công trình.

c. Khí hậu

Khí hậu huyện Vĩnh Cửu thuộc dạng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có 2 mùa rõ rệt, với nền nhiệt cao đều quanh năm, là điều kiện đảm bảo nhiệt lượng cho cây trồng phát triển.

Các yếu tố khí tượng đều thay đổi rõ rệt theo 2 mùa như sau:

- Nhiệt độ không khí: nhiệt độ trung bình quanh năm cao, nhưng chênh lệch trung bình giữa các tháng ít. Nhiệt độ bình quân 25 - 27⁰C, chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất là 4,2⁰C. Nhiệt độ trung bình tối cao các tháng là 29 - 35⁰C, nhiệt tối thấp trung bình các tháng từ 18 - 25⁰C. Tổng tích ôn tương đối cao (9.000⁰C - 9.700⁰C) và phân bố tương đối đều theo mùa vụ thích hợp sản xuất nông nghiệp quanh năm.

- Lượng mưa tương đối lớn (2.000 - 2.800 mm), phân bố theo vùng và theo mùa, chi phối mạnh mẽ nền sản xuất nông - lâm nghiệp. Sự phân bố mưa theo không gian đã hình thành 03 vành đai chính: vành đai phía Bắc giáp Bình Phước có lượng mưa rất cao trên 2.800 mm và có số ngày mưa 150 - 160 ngày; vành đai trung tâm huyện có lượng mưa 2.400 - 2.800 mm số ngày mưa trong năm là 130 - 150 ngày; vành đai phía Nam có lượng mưa thấp nhất 2.000 - 2.400 mm.

Lượng mưa lớn và phân hóa theo mùa và đã tạo ra 2 mùa trái ngược nhau là mùa mưa và mùa khô:

+ Mùa khô: kéo dài trong 06 tháng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa rất thấp chỉ chiếm khoảng 10 - 15% lượng mưa cả năm, trong khi đó lượng bốc hơi rất cao, chiếm khoảng 64 - 67% tổng lượng bốc hơi cả năm.

+ Mùa mưa: kéo dài trong 06 tháng từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa 06 tháng mùa mưa chiếm 90% tổng lượng mưa cả năm, chỉ riêng 04 tháng mưa lớn nhất, lượng mưa đã chiếm 62 - 63% lượng mưa cả năm. Ngược lại, lượng bốc hơi và nền nhiệt thấp hơn mùa khô.

d. Thủy văn

Thủy văn bị chi phối bởi hệ thống sông, hồ, suối và số ngày mưa trên địa bàn.

Hệ thống sông, suối: Sông Đồng Nai là nguồn cung cấp nước cho thủy điện Trị An và hồ Trị An nên trữ lượng nước và chất lượng môi trường nước hồ Trị An phụ thuộc rất lớn về dòng chảy của sông Đồng Nai.

Sông Bé là nhánh sông đổ nước vào sông Đồng Nai tại hạ lưu trên ranh giới phía Tây giữa Đồng Nai và Bình Dương, sông vừa có độ sâu và rộng, dòng chảy tương đối nhanh, đặc biệt là ngã ba Hiếu Liêm. Ngoài ra, trên địa bàn còn có rất nhiều sông, suối nhỏ như suối Ràng, suối Linh, suối Cây Sung, suối Sai, suối Bà Hào... hầu hết các suối nhỏ chỉ có nước trong mùa mưa và đều cạn nước vào mùa khô. Các dòng sông này cung cấp phù sa cho các địa bàn ven sông trong đó có vùng đất ven sông thuộc xã Hiếu Liêm.

Hệ thống hồ trên địa bàn: Gồm hồ Trị An, hồ Vườn ươm, hồ Bà Hào, hồ Sen,... trong đó hồ Trị An có diện tích mặt nước lớn nhất khoảng 32.380 ha là hồ có nhiều tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch và điểm nhấn hấp dẫn khách du lịch; trên hồ có rất nhiều đảo lớn nhỏ, đa dạng về loại hình, đảo lớn nhất là đảo Ó - Đồng Trường với diện tích hơn 20 ha, ngoài ra các đảo khác có diện tích từ 2 -10 ha như đảo Xanh, đảo Đá, đảo Năm Bàu, đảo Tây Ninh 2,... có thể khai thác để tạo ra sản phẩm phát triển du lịch.

Hồ Bà Hào có diện tích trên 400 ha, hồ Vườn ươm trên 20 ha và nhiều ao lớn nhỏ trong các trảng, các ấp... Hệ thống sông hồ góp phần quan trọng về nguồn dự trữ nguồn nước mặt, điều tiết khí hậu, bảo tồn, phát triển hệ sinh thái và cảnh quan góp phần quan trọng cho xây dựng sản phẩm và loại hình du lịch, đặc biệt là các loại hình du lịch sinh thái và vui chơi giải trí.

1.2. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra xây dựng bản đồ đất tỷ lệ 1/100.000 của tỉnh Đồng Nai do Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp Miền Nam xây dựng năm 2004, trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 5 nhóm đất chính như sau:

*** Nhóm đất phù sa**

Diện tích 8.098,02 ha, chiếm 7,42% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành trên trầm tích trẻ (Holocen) của hệ thống sông Đồng Nai, phân bố trên dạng địa hình đồng bằng, tập trung ở các xã: Tân Bình, Bình Lợi, Bình Hòa, Thiện Tân và rải rác ở các xã: Tân An, Trị An, Thạnh Phú. Đất phù sa rất thuận lợi cho trồng lúa màu và cây ăn quả. Nơi địa hình thấp có điều kiện tưới thích hợp cho sản xuất lúa 2-3 vụ, nơi không có khả năng tưới, địa hình cao thoát nước thích hợp dành cho trồng rau, hoa màu và cây ăn trái. Đặc biệt bưởi Tân Triều, một loại trái cây đặc sản có giá trị kinh tế cao của vùng được trồng trên đất phù sa.

*** Nhóm đất đen**

Diện tích 3.229,09 ha, chiếm 2,96% diện tích tự nhiên. Phân bố tập trung ở xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An. Đất đen hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá bọt bazan, tầng đất hữu hiệu thường rất mỏng, lẫn nhiều kết von hoặc mảnh đá, trên bề mặt đất có nhiều tảng đá lộ đầu lớn, gây trở ngại lớn cho sản xuất nông nghiệp và giao thông.

Đất đen thích hợp cho việc trồng các cây hoa màu (bắp, đậu đỗ, rau,...), cây công nghiệp ngắn ngày (thuốc lá, bông vải, đậu nành) và các loại cây ăn trái. Những nơi địa hình thấp có khả năng tưới thích hợp cho việc trồng lúa hoặc lúa kết hợp trồng hoa màu.

*** Nhóm đất xám**

Diện tích 1.647,69 ha, chiếm 1,51% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành chủ yếu trên phù sa cổ, một số hình thành trên đá phiến sét, phân bố trên các dạng địa hình đồi thuộc thị trấn Vĩnh An; các xã: Trị An, Bình Lợi, Thạnh Phú, Tân An và Vĩnh Tân.

Về tiềm năng của đất xám: nơi địa hình cao thoát nước, có tầng đất hữu hiệu trên mức 70 - 100 cm, thích hợp cho việc trồng các cây dài ngày như cao su, điều, cây ăn trái, đồng thời có thể trồng các cây hàng năm như khoai mì, bắp và các loại đậu; nơi địa hình thấp, có khả năng tưới, thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu; nơi có tầng đất hữu hiệu mỏng dưới mức 30 - 50 cm, chỉ thích hợp cho việc trồng và bảo vệ rừng.

Nhìn chung nhóm đất xám trên địa bàn có tầng đất hữu hiệu rất mỏng và tập trung nhiều trong ranh giới Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, vì vậy nhóm đất này đang được sử dụng chính cho sản xuất lâm nghiệp.

*** Nhóm đất đỏ vàng**

Diện tích 80.367,66 ha, chiếm 73,67% diện tích tự nhiên. Đất hình thành chủ yếu trên đá bazan, phù sa cổ và đá phiến sét; phân bố ở thị trấn Vĩnh An; các xã: Phú Lý, Trị An, Vĩnh Tân, Tân An, Thiện Tân, Thạnh Phú, Tân Bình, Bình Lợi và Bình Hòa.

Đất đỏ trên đá Bazan là loại đất có chất lượng trong các loại đất đồi núi nước ta. Tầng đất hiện hữu thường rất dày >100 cm có thành phần cơ giới nặng, tương đối giàu chất hữu cơ, đạm tổng số và lân tổng số nhưng lại nghèo về các cation kiềm trao đổi, chất chua, kali và lân dễ tiêu.

Đất đỏ thích hợp cho việc trồng các cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, tiêu. Tuy vậy ở Vĩnh Cửu, đất đỏ hầu hết nằm trong ranh giới Khu Bảo tồn, vì vậy đang được sử dụng chính cho lâm nghiệp.

* Nhóm đất trơ sỏi đá

Hình thành chủ yếu trên mẫu chất phù sa cổ, diện tích nhỏ (225,27 ha); phân bố ở các xã: Thiện Tân, Tân An, Vĩnh Tân, Phú Lý và thị trấn Vĩnh An; chất lượng đất rất kém: tầng đất mỏng, độ phì thấp. Đất này phù hợp cho việc trồng và bảo vệ rừng.

b. Tài nguyên nước

- **Nước mặt:** nguồn nước mặt chính gồm có sông Đồng Nai, sông Bé, hồ Trị An, hồ Bà Hào, hồ Mo Nang... và hệ thống kênh, rạch suối, Trong đó:

- Sông Đồng Nai: đoạn qua huyện chảy theo hướng Bắc - Nam (bao bọc ranh giới của huyện), mặt nước rộng trung bình 295 m, lượng nước sông khá dồi dào, do sông sâu và dốc nên khả năng bồi đắp phù sa kém, chỉ xuất hiện dải đất phù sa ven theo triền sông. Hiện dọc theo sông Đồng Nai đã đặt hệ thống các trạm bơm để cung nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt.

- Sông Bé: bắt nguồn từ dãy núi cao Phước Long, thượng nguồn có nhánh suối Mã Đà, hạ lưu sông đổ vào sông Đồng Nai. Đoạn chạy qua huyện (thuộc xã Hiếu Liêm) nằm trên ranh giới phía Tây giữa Đồng Nai và Bình Dương, sông rộng trung bình 150 m, lượng nước trên sông khá dồi dào, do sông sâu và dốc nên khả năng bồi đắp phù sa kém.

- Hồ Trị An: có diện tích khoảng 326 km² (trong địa phận huyện Vĩnh Cửu gần 140 km²), ngoài ra trên địa bàn huyện còn có hồ Bà Hào, hồ Mo Nang và 03 đập (Ông Hường, Thạnh Phú, Bến Xúc).

- **Nước ngầm:** qua kết quả khảo sát về nước dưới đất ở Đồng Nai của liên đoàn Địa chất thủy văn 7 và 8 (đoàn 801) thì tiềm năng nước dưới đất của huyện Vĩnh Cửu khá phong phú nhưng không đều; có thể khai thác ở độ sâu 10 - 15 m đến 35 - 50 m, bề dày tầng chứa nước thay đổi từ 10 - 15m đến 50 – 60 m, trữ lượng tính đạt 788.800 m³, tổng trữ lượng 1.090.000 m³/ngày, chất lượng nước tốt với tổng khoáng hóa từ 0,07 - 0,6g/l, thuộc loại nước nhạt có chứa bicarbonat - natri và có hàm lượng sắt cao. Nhìn chung lượng nước ngầm trên địa bàn huyện khá lớn, có khả năng cung cấp đủ nước cho sinh hoạt và cho sản xuất nông nghiệp.

c. Tài nguyên rừng

Vĩnh Cửu là một trong những huyện có tài nguyên rừng phong phú nhất thuộc tỉnh Đồng Nai nói riêng và toàn vùng Đông Nam Bộ nói chung; với diện tích 74.546,8 ha, chiếm 68,0% diện tích tự nhiên toàn huyện và có trữ lượng khoảng 5,6 triệu m³ gỗ. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ thủy điện Trị An, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn đất, bảo tồn các loài động vật quý hiếm, bảo vệ môi trường sinh thái và là lá phổi xanh cho môi trường sống. Trong

kháng chiến chống đế quốc xâm lược, rừng thuộc Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý và Vĩnh An là căn cứ của Khu ủy Miền Đông và hiện nay thuộc phạm vi Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai và một phần vườn Quốc gia Cát Tiên.

d. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện tương đối phong phú. Hiện nay đã phát hiện được 120 mỏ, điểm quặng, điểm khoáng hóa với tiềm năng và triển vọng rất khác nhau được phân bố như sau: nhóm kim loại tập trung ở phía Bắc của huyện; đá xây dựng tự nhiên phân bố ở khu vực đồi Bà Mọi, xã Thiện Tân, xã Hiếu Liêm, xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An; sét gạch ngói phát hiện ở xã Tân An và xã Thiện Tân; cát xây dựng được khai thác chủ yếu trong trầm tích lòng sông Đồng Nai (cù lao Bình Chánh, xã Bình Lợi); nguyên liệu phụ gia xi măng Puzlan và Laterit: Puzlan tập trung ở thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, còn Laterit có trữ lượng khá lớn ở Mã Đà, Hiếu Liêm, Tân An; nguyên liệu Keramzit phát hiện ở xã Tân An, Trị An và Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai.

e. Tài nguyên nhân văn

Hầu hết các xã trong huyện Vĩnh Cửu đều có đình làng, đặc biệt như xã Tân Bình có đến 19 đình, miếu. Đa phần đình thờ những vị phúc thần, Thành hoàng bốn cảnh, hoặc những anh hùng dân tộc có công với dân tộc, đất nước. Mỗi đình hàng năm đều có Lễ Kỳ Yên riêng.

Bên cạnh đó, huyện còn có nhiều Di tích lịch sử ghi dấu những chiến công của cha ông trong những năm đấu tranh giải phóng dân tộc gồm 03 di tích lịch sử văn hóa được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xếp hạng: Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam Bộ (Chiến khu D), Di tích Địa đạo Suối Linh, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam và 05 di tích lịch sử được UBND tỉnh công nhận: Di tích Nhà Bia thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh Ủy Lâm thời tỉnh Biên Hòa, Đình Long Chiến, Đình Phú Trạch, Đình Cẩm Vinh.

g. Tài nguyên du lịch

Vĩnh Cửu nằm ở thượng nguồn sông Đồng Nai có cảnh quan phong phú, đa dạng sinh học với các hệ sinh thái sông Đồng Nai, hệ sinh thái rừng, du lịch sinh thái làng buri Tân Triều, kết hợp với điểm du lịch tham quan gồm: du lịch đường thủy trên hồ Trị An, tham quan Nhà máy thủy điện Trị An, tham quan di tích Chiến khu Đ, Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, du lịch giải trí vùng Bà Hào,... Với lợi thế như vậy Vĩnh Cửu có nhiều điều kiện để thúc đẩy phát triển du lịch, đưa ngành du lịch thành một lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển Kinh tế - xã hội của địa phương.

1.3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Về kinh tế:

Theo số liệu thống kê của huyện Vĩnh Cửu năm 2021 thì công nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện, sản xuất công nghiệp luôn giữ tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2021 là 20.360 tỷ đồng (giá 2010), giảm 10,99% so với cùng kỳ; thương mại - dịch vụ phát triển khá tốt, tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước đạt 2.013 tỷ đồng, giảm 8,17% so với cùng kỳ; bên cạnh đó ngành nông nghiệp áp dụng tái cơ cấu với mục đích hướng tới khai thác hiệu quả quỹ đất sản xuất và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp hữu cơ, mang lại giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản thực hiện trong năm 2021 là 1.814 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

Về dân số:

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2021, huyện Vĩnh Cửu dân số trung bình là 168.420 người với 45.500 hộ, trong đó số dân thành thị là 26.440 người, chiếm 15,70% và dân số nông thôn là 141.980 người, chiếm 84,30% tổng số dân. Tỷ lệ phát triển dân số năm 2020 đạt 2,11%, trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,05%, giảm 0,13% so với năm 2015.

1.4. Về đất đai

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2021, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 108.914 ha, trong đó đất nông nghiệp 89.056 ha, đất phi nông nghiệp 19.858 ha.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và huyện nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, trong đó:

- Đối với công tác quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, UBND huyện đã hoàn thành lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện và tổ chức công bố, công khai theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5386/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 7/9/2022 với tổng số 114 công trình, dự án/ 1.044,20 ha. Đây là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất trong năm 2022.

Bảng 01: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022	Kết quả đã đang thực hiện		
				Diện tích	So sánh với kế hoạch	
					Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	88.337,42	88.723,66	386,24	100,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.475,53	1.548,44	72,91	104,94
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.272,92</i>	<i>1.301,72</i>	<i>28,80</i>	<i>102,26</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.056,54	2.124,49	67,95	103,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	11.377,95	11.522,56	144,61	101,27
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11,57	11,57	-	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	64.102,75	64.103,70	0,95	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.743,98	7.849,57	105,59	101,36
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.221,47</i>	<i>2.225,57</i>	<i>4,1</i>	<i>100,18</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.203,42	1.218,97	15,55	101,29
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	365,68	344,36	-21,32	94,17
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	20.577,02	20.190,78	-386,24	98,12
2.1	Đất quốc phòng	CQP	243,50	216,49	-27,01	88,91
2.2	Đất an ninh	CAN	10,49	10,07	-0,42	96,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	219,89	214,48	-5,41	97,54
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	259,19	252,01	-7,18	97,23
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	67,98	59,31	-8,67	87,25
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	334,29	311,28	-23,01	93,12
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	551,95	457,56	-94,39	82,90
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.967,87	1.808,50	-159,37	91,90
	- Đất giao thông	DGT	1.140,68	1.126,51	-14,17	98,76
	- Đất thủy lợi	DTL	73,41	74,01	0,60	100,82
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	11,89	11,39	-0,50	95,79
	- Đất cơ sở y tế	DYT	8,75	8,63	-0,12	98,63
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	95,66	90,75	-4,91	94,87
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	17,47	13,74	-3,73	78,65
	- Đất công trình năng lượng	DNL	263,44	131,82	-131,62	50,04
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,61	2,59	-0,02	99,23

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022	Kết quả đã đang thực hiện		
				Diện tích	So sánh với kế hoạch	
					Tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	15,41	15,41	-	100,00
	- Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	84,23	83,10	-1,13	98,66
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	33,79	30,29	-3,50	89,64
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	216,49	216,23	-0,26	99,88
	- Đất chợ	DCH	4,04	4,03	-0,01	99,75
	- Đất hạ tầng khác	DCK	-	-	-	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,62	6,63	0,01	100,15
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	13,71	8,85	-4,86	64,55
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.038,62	1.014,44	-24,18	97,67
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	178,76	178,05	-0,71	99,60
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,36	18,29	0,93	105,36
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	16,04	15,14	-0,90	94,39
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	13,39	13,38	-0,01	99,93
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.749,76	1.719,76	-30,00	98,29
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	13.887,60	13.886,54	-1,06	99,99

a. Đất nông nghiệp: kế hoạch được duyệt năm 2022 là 88.337,42 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 88.723,66 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 386,24 ha, đạt tỷ lệ 100,44%. Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1.475,53 ha, tính dự ước đến cuối năm thực hiện là 1.548,44 ha; cao hơn 72,91 ha, đạt tỷ lệ 104,94% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn do một số công trình có sử dụng vào đất lúa nhưng vẫn chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện như: Đường Chu Văn An, Mỏ đá Thiện Tân 9, hạ tầng khu trung tâm xã Thanh Phú,...

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: kết quả thực hiện đến 31/12/2022 có diện tích 1.301,72 ha; cao hơn 28,8 ha và đạt 102,26% so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt trong năm 2022.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 2.056,54 ha, kết quả thực hiện (dự ước đến cuối năm) là 2.124,49 ha; đạt

103,3% và cao hơn 67,95 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do một số dự án xây dựng phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác nhưng chưa triển khai thực hiện trong năm và tiếp tục đưa vào kế hoạch năm 2023 như: Khu công nghiệp Thanh Phú, Trường TH Tân Phú xã Thanh Phú, Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An,...

- **Đất trồng cây lâu năm:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022 là 11.377,95 ha, dự ước thực hiện đến cuối năm có diện tích 11.522,56 ha; cao hơn 144,61 ha, đạt tỷ lệ 101,27% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân cao hơn chủ yếu do một số công trình sử dụng đất cây lâu năm nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện đúng theo tiến độ như: Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng, Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6, Đường Vĩnh Tân - Tân An, Trường bắn BB,...

- **Đất rừng phòng hộ:** dự ước kết quả thực hiện đến 31/12/2022 đất rừng phòng hộ có diện tích 11,57 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022.

- **Đất rừng đặc dụng:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 64.102,75 ha, dự ước diện tích thực hiện đến cuối năm là 64.103,70, cao hơn 0,95 ha và đạt 100,001% chỉ tiêu được duyệt của huyện.

- **Đất rừng sản xuất:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 7.743,98 ha, dự ước thực hiện đến nay là 7.849,57 ha; đạt 101,36% và cao hơn 105,59 ha do một số công trình sử dụng đất rừng sản xuất chưa được thực hiện trong năm như: Mỏ đá Thiện Tân 1, Đường giao thông trong khu trung tâm hành chính xã Mã Đà, Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ),...

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1.203,42 ha, dự ước thực hiện đến 31/12/2022 có diện tích 1.218,97 ha, đạt tỷ lệ 101,29% và cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 15,5 ha.

- **Đất nông nghiệp khác:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022 là 365,68 ha. Thực hiện đất nông nghiệp khác dự tính đến cuối năm có diện tích 344,36 ha, thấp hơn 21,32 ha, đạt 94,17% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Trong năm 2022 đã xây dựng xong Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (xã Phú Lý), Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trị An (xã Trị An) tuy nhiên vẫn chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

b. Đất phi nông nghiệp: kế hoạch được duyệt năm 2022 là 20.577,02 ha, dự ước đến ngày 31/12/2022 toàn huyện có diện tích 20.190,78 ha; đạt 98,12% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 386,24 ha. Trong năm qua, huyện cũng đã triển khai và đưa vào sử dụng một số công trình theo đúng tiến độ đề ra; tuy

nhiên, cũng còn nhiều dự án do vướng các thủ tục đất đai, hay chưa bố trí được nguồn vốn đầu tư nên chưa thực hiện được trong năm. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 243,50 ha, kết quả thực hiện dự tính đến cuối năm có diện tích 216,49 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu 27,01 ha do có 02 dự án chưa thực hiện và đề xuất chuyển tiếp trong kế hoạch 2023 gồm: Công trình quốc phòng (DA1) - Bộ CHQST và Trường bắn BB, đạt 88,91%.

- **Đất an ninh:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 10,49 ha, thực hiện đến nay có diện tích 10,07 ha; đạt tỷ lệ 96%, thấp hơn 0,42 ha so với chỉ tiêu.

- **Đất khu công nghiệp:** dự ước đến cuối năm đất khu công nghiệp có diện tích 214,48 ha, đạt 97,54% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022. Trong năm 2022, dự án Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An) đã được giải ngân và bàn giao mặt bằng cho khu công nghiệp; Khu công nghiệp Thạnh Phú đang thực hiện công tác bồi thường.

- **Đất cụm công nghiệp:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 259,19 ha, ước thực hiện đến cuối năm đạt 97,23%, thấp hơn 7,18 ha so với chỉ tiêu được duyệt. Hầu hết các dự án cụm công nghiệp đang thực hiện thu hồi hoặc đã có thông báo thu hồi đất.

- **Đất thương mại dịch vụ:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022 là 67,98 ha, kết quả thực hiện ước đến 31/12/2022 là 59,31 ha, thấp hơn 8,67 ha và đạt tỷ lệ 87,25% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Diện tích thực hiện còn thấp do trong năm vừa qua một số công trình chưa thực hiện và tiếp tục thực hiện năm sau gồm: Điểm du lịch sinh thái Green Heaven, Khu đất đấu giá (Khu du lịch Đảo Ó - Đồng Trường); đối với dự án Cầu tàu du lịch Hiếu Liêm đề xuất hủy không đưa vào kế hoạch 2023.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 334,29 ha, thực hiện đến nay là 311,28 ha, đạt 93,12% và thấp hơn 23,01 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt do một số dự án đang thực hiện và tiếp tục đưa vào kế hoạch 2023: Khu chế biến, đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa; Khu đất đấu giá theo quy hoạch (4,82 ha Tân An); Công trình phụ trợ mỏ đá Thạnh Phú 3

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022 là 551,95 ha, kết quả thực hiện đến nay là 457,56 ha; thấp hơn 94,39 ha và đạt 82,9% so với chỉ tiêu được duyệt. Một số dự án mỏ đá đang thực hiện hoặc chưa thực hiện và được chuyển tiếp sang kế hoạch năm sau.

- **Đất phát triển hạ tầng:** dự ước kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 đất phát triển hạ tầng có diện tích 1.808,50 ha. So với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (1.967,87 ha) thấp hơn 159,37 ha, đạt 91,9%, trong đó:

+ **Đất giao thông:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1.140,68 ha. Với kết quả dự kiến thực hiện đến cuối năm thì đất giao thông có diện tích 1.126,51 ha, đạt 98,76%, thấp hơn 14,17 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt chủ yếu do các công trình giao thông chưa triển khai thực hiện theo đúng tiến độ như Đường Kỳ Lân, Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm, Đường Chu Văn An, Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767 thị trấn Vĩnh An,... Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện cũng xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai một số dự án như: Đường Bình Ninh, Đường nội đồng cây Gõ, Đường nội đồng Giáo Tùng,...

+ **Đất thủy lợi:** kế hoạch được duyệt năm 2022 có diện tích 73,41 ha, kết quả thực hiện đến nay là 74,01 ha; đạt 100,82% và cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,6 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** hầu hết các dự án đất xây dựng cơ sở văn hóa chưa thực hiện thủ tục giao đất. Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 11,89 ha; thực hiện đến nay có diện tích 11,39 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 0,5 ha, đạt tỷ lệ 95,79%.

+ **Đất cơ sở y tế:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 8,75 ha, thực hiện đến nay (dự ước đến 31/12/2022) đất y tế có diện tích 8,63 ha, thấp hơn 0,12 ha và đạt tỷ lệ 98,63% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 95,66 ha, dự ước thực hiện là 90,75 ha, đạt tỷ lệ 94,87% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 4,91 ha. Trong năm 2022 huyện đã xây dựng xong dự án Trường MN Bình Lợi, Trường tiểu học Bàu Phụng (CS2) nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai. Bên cạnh đó, một số dự án chưa thực hiện tiếp tục đưa vào kế hoạch năm 2023 gồm: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn, Trường MN Sơn Ca,...

+ **Đất cơ sở thể dục - thể thao:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 17,47 ha, đến 31/12/2022 dự ước kết quả thực hiện có diện tích 13,74 ha; thấp hơn 3,73 ha, đạt tỷ lệ 78,65% so với chỉ tiêu. Đa số các công trình đang thực hiện hoặc chưa thực hiện trong kế hoạch vừa qua sẽ được chuyển tiếp sang năm 2023.

+ **Đất công trình năng lượng:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022 là 263,44 ha, dự ước đến cuối năm thực hiện 131,82 ha, đạt 50,04% và thấp hơn 131,62 ha chủ yếu do các dự án, công trình chưa thực hiện như: Đường dây

110kV Định Quán 2 - Vĩnh An, Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An 9Khu vực tạm sử dụng), Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo,...

+ **Đất công trình bưu chính viễn thông:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 có diện tích 2,61 ha. Kết quả thực hiện đạt 99,23% (thấp hơn 0,02 ha) chỉ tiêu được duyệt.

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** kết quả thực hiện đến nay có diện tích 15,41 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 84,23 ha, thực hiện đến nay đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích 83,10 ha, thấp hơn 1,13 ha do dự án Trạm trung chuyển rác tại xã Phú Lý chưa thực hiện, đạt tỷ lệ 98,66% chỉ tiêu được duyệt.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** kế hoạch được duyệt năm 2022 có diện tích 33,79 ha, dự ước đến ngày 31/12/2022 kết quả thực hiện là 30,29 ha, đạt tỷ lệ 89,64% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 3,5 ha so với chỉ tiêu kế hoạch. Đa số các dự án tôn giáo đã có hiện trạng nhưng chưa làm thủ tục giao đất.

+ **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 216,49 ha. Thực hiện đến ngày 31/12/2022 có diện tích 216,23 ha, thấp hơn 0,26 ha, đạt tỷ lệ 99,88% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ **Đất chợ:** chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022 là 4,04 ha. Kết quả dự ước thực hiện đất chợ có diện tích 4,03 ha, đạt 99,75% và thấp hơn 0,01 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** trong năm 2022, một số dự án nhà văn hóa đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai. Dự ước thực hiện đến 31/12/2022 có diện tích 6,63 ha, đạt 100% và cao hơn 0,01 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 13,71 ha. Đến ngày 31/12/2022 ước thực hiện là 8,85 ha, thấp hơn 4,86 ha, đây là phần diện tích công trình Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú chưa thực hiện trong năm 2022, đạt 64,55% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 1.038,62 ha. Kết quả thực hiện dự ước đến cuối năm có diện tích 1.014,44 ha; đạt 97,67% và thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 24,18 ha. Nguyên nhân chủ yếu do một số khu dân cư đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện hoặc mới được cấp chủ trương đầu tư như: Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý), Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên), Khu đất đấu giá (2 khu: từ 10 thửa 138 và từ 5 thửa 412),...

- **Đất ở tại đô thị:** kế hoạch được duyệt năm 2022 có diện tích 178,76 ha, thực hiện đến cuối năm có diện tích 178,05 ha; thấp hơn 0,71 ha do chưa thực hiện đấu giá các khu đất tại thị trấn Vĩnh An, đạt tỷ lệ 99,60% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022 là 17,36 ha, kết quả thực hiện dự ước đến 31/12/2022 là 18,29 ha; cao hơn 0,93 ha, đạt tỷ lệ 105,36% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 16,04 ha. Dự ước thực hiện đến cuối năm đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích 15,14 ha, thấp hơn 0,9 ha do dự án Trạm kiểm lâm xã Phú Lý chưa thực hiện, đạt 94,39% so với chỉ tiêu.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** dự ước kết quả thực hiện đến 31/12/2022 có diện tích 13,39 ha; đạt 99,93% (thấp hơn 0,01 ha) so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** kế hoạch được duyệt năm 2022 có diện tích 1.749,76 ha, kết quả thực hiện ước đến 31/12/2022 là 1.719,76 ha; thấp hơn 30,0 ha, đạt 98,29% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn do các dự án Nạo vét Rạch Mọi đang thực hiện và đề xuất chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** kế hoạch được duyệt năm 2022 là 13.887,60 ha, dự ước thực hiện đến 31/12/2022 đất mặt nước chuyên dùng có diện tích 13.886,54 ha; thấp hơn 1,06 ha và đạt 99,99% so với chỉ tiêu được duyệt.

2.1.2. Kết quả thực hiện các dự án được ghi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5386/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 07/09/2022 với tổng số 114 dự án/ 1.044,20 ha.

Thực tế, để hoàn thành tất cả các công đoạn liên quan đến thủ tục về đất đai khi thực hiện dự án như: chủ trương đầu tư; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất, định giá đất cụ thể; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... cần phải có thời gian khá dài, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sẽ căn cứ vào tổng số lượng, diện tích các dự án đã thực hiện hoàn thành và đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai là phù hợp với thực tiễn. Kết quả thực hiện các dự án như sau:

- Các dự án đang thực hiện: 66 dự án với tổng diện tích 877,91 ha, chiếm 57,89% về số lượng dự án và chiếm 84,07% về diện tích, gồm:

+ Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai: 12 dự án/ 44,87 ha;

+ 17 dự án/ 386,52 ha đã ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

+ Dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi: 32 dự án/ 383,81 ha;

+ 05 dự án/ 62,71 ha đã ban hành thông báo thu hồi đất.

- Dự án chưa thực hiện: 48 dự án/ 166,29 ha:

+ Chưa thực hiện: 16 dự án/ 124,22 ha, trong đó đề nghị đưa ra khỏi Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 12 dự án/ 116,51 ha; tiếp tục đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 04 dự án/ 7,71 ha, trong đó 02 dự án/ 3,91 ha là Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tại xã Phú Lý (3,5 ha) và Trạm 110kV Tân An và đầu nối tại xã Tân An (0,41 ha) mới bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022; Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân: UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục thực hiện tại Thông báo số 373/TB-UBND ngày 29/8/2022; dự án chưa đủ 3 năm Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông tiếp tục chuyển tiếp;

+ Đã xây dựng công trình trên đất nhưng chưa lập thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 26 dự án/ 12,79 ha. Trong đó: 11 công trình tôn giáo/5,09 ha do Ban Tôn giáo tỉnh đăng ký và các cơ sở tôn giáo tự liên hệ thực hiện thủ tục giao đất trên Sở Tài nguyên và Môi trường nên UBND huyện không chủ động được tiến độ thực hiện của các công trình tôn giáo; 15 dự án/ 7,70 ha đã lập hồ sơ xin giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do vướng mắc trong việc xác nhận hoàn tất bồi thường nên không thể thực hiện thủ tục giao đất.

+ Chưa thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: 06 dự án/29,28 ha (04 khu đất/1,07 ha do huyện quản lý nhận bàn giao từ Trung tâm phát triển quỹ đất

tính từ quý III năm 2022; 02 khu đất/ 28,21 ha do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý).

Bảng 02: Kết quả thực hiện dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ thực hiện (%)	
		Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Về số lượng dự án	Về diện tích
	Tổng số:	114	1.044,20	66	877,91	57,89	84,07
1	Đất nông nghiệp	3	40,64	3	40,64	100	100
1.1	Đất nông nghiệp khác	3	40,64	3	40,64	100	100
2	Đất phi nông nghiệp	111	1.003,56	63	837,27	56,76	83,43
2.1	Đất quốc phòng	3	76,00	1	49	33,33	64,47
2.2	Đất an ninh	2	0,62	2	0,62	100,00	100,00
2.2	Đất khu công nghiệp	2	110,17	2	110,17	100	100
2.3	Đất cụm công nghiệp	4	102,20	3	99,20	75,00	97,06
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	3	30,72	1	7,05	33,33	22,95
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3	15,80	2	10,97	66,67	69,43
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	10	208,78	10	208,78	100,00	100,00
2.7	Đất phát triển hạ tầng	60	282,13	31	244,06	51,67	86,50
	- Đất giao thông	22	118,69	16	97,54	72,73	82,18
	- Đất thủy lợi	1	0,80	-	-	-	-
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	3	3,23	-	-	-	-
	- Đất cơ sở y tế	2	0,36	1	0,26	50,00	73,17
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	9	12,76	6	7,26	66,67	56,89
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	4	3,50	1	1,70	25,00	48,60
	- Đất công trình năng lượng	6	131,65	5	131,24	83,33	99,69
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	2	6,06	2	6,06	100,00	100,00
	- Đất cơ sở tôn giáo	11	5,09	-	-	-	-
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	4	0,24	3	0,21	75,00	86,17
2.10	Đất ở tại nông thôn	8	105,69	6	99,79	75,00	94,42
2.11	Đất ở tại đô thị	2	0,68	-	-	-	-
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7	2,61	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ thực hiện (%)	
		Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Về số lượng dự án	Về diện tích
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,90	1	0,90	100,00	100,00
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	2	67,02	1	6,52	50,00	9,73

(Chi tiết cụ thể của từng dự án tại Biểu 02B/CH đính kèm)

Cụ thể:

- **Đất nông nghiệp khác:** đã và đang thực hiện 03/03 dự án với tổng diện tích 40,64 ha, đạt 100% số lượng dự án và 100% diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản và trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (Công ty CP chăn nuôi Velbred) (2 vị trí) tại xã Phú Lý đã xây dựng xong trang trại, đang hoàn thành thủ tục thuê đất; Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trị An đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- **Đất quốc phòng:** đã và đang thực hiện 01/03 dự án với tổng diện tích 49 ha, đạt 33,33% về số lượng và 64,47% diện tích kế hoạch duyệt là Căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Vĩnh Cửu ở xã Hiếu Liêm.

- **Đất an ninh:** 02/02 dự án đất an ninh đã và đang thực hiện với tổng diện tích 0,62 ha, đạt 100% về cả số lượng và diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Trụ sở công an xã Mã Đà đã xây dựng xong nhưng hoàn thành thủ tục đất đai, Trụ sở công an xã Thiện Tân đã có quyết định chủ trương đầu tư.

- **Đất khu công nghiệp:** đã và đang thực hiện 02/02 dự án với tổng diện tích 110,17 ha, đạt 100% về số lượng và diện tích kế hoạch duyệt, gồm: Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An - huyện Vĩnh Cửu) và Khu công nghiệp Thạnh Phú đang thực hiện công tác bồi thường.

- **Đất cụm công nghiệp:** đã và đang thực hiện 03/04 dự án với tổng diện tích 99,2 ha, đạt 75% về số lượng và 97,06% diện tích kế hoạch duyệt. Các dự án gồm: Cụm CN Thiện Tân đang thực hiện công tác thu hồi đất, Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thạnh Phú - Thiện Tân) đã hoàn thành công tác bồi thường đang lập thủ tục xin giao đất, Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An đã hoàn thành kiểm đếm.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** kế hoạch được duyệt năm 2022 có 03 dự án với tổng diện tích 30,72 ha, đến nay đã và đang thực hiện 01 dự án/ 7,05 ha là Điểm du lịch sinh thái Green Heaven đã có quyết định chủ trương đầu tư, đạt 33,33% về số lượng dự án và 22,95% về diện tích.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** đã và đang thực hiện 02/03 dự án với tổng diện tích 10,97 ha, đạt 66,67% về số lượng và 69,43% diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Khu chế biến; đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa (Công ty CP Đầu tư xây dựng TMDV XNK Trường Trường Phát JP) tại xã Tân An đã thỏa thuận công tác bồi thường, hiện đang lập hồ sơ điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư; Công trình phụ trợ mỏ đá Thạnh Phú (xã Thiện Tân) đang lập hồ sơ xin gia hạn chủ trương đầu tư.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** đã và đang thực hiện 10/10 dự án với tổng diện tích 208,78 ha, đạt 100% về cả số lượng và diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Mỏ đá Thiện Tân 2 và Mỏ đá Thiện Tân 4 đã được chuyển mục đích; Mỏ đá Thiện Tân 9 đã hoàn thành công tác bồi thường; 03 dự án đã có chủ trương đầu tư là Mỏ đá Thạnh Phú 1, Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5, Mỏ đá Thiện Tân 8; 03 dự án đã được cấp giấy phép khai khoáng sản là Mỏ đá Thiện Tân 3, Mỏ đá Thiện Tân 1, Mỏ đá Thiện Tân 7; 01 dự án đang lập thủ tục cấp quyết định chủ trương đầu tư là Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi Chùa 3).

- **Đất phát triển hạ tầng:** đã và đang thực hiện 31/60 dự án với tổng diện tích 244,06 ha, đạt 51,67% về số lượng và 86,5% diện tích kế hoạch được duyệt gồm:

+ **Đất giao thông:** đã và đang thực hiện 16/22 dự án với tổng diện tích 97,54 ha, đạt 72,73% về số lượng và 82,18% về diện tích kế hoạch gồm: 04 dự án đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục trong đó 03 dự án thuộc xã Bình Lợi là Đường Bình Ninh, Đường nội đồng cây Gõ, Đường nội đồng giáo Tùng và 01 dự án xã Thạnh Phú là Mở rộng đường Cây Gõ; 04 dự án đã có quyết định thu hồi đất là Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, Đường Vĩnh Tân - Tân An, Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 9, Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 7; 02 dự án đã có thông báo thu hồi đất là Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối ra Hương lộ 7, Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 15; 06 dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư là Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm, Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thạnh Phú đoạn đầu nối ra trục 16 xã Thạnh Phú theo quy hoạch, Đường Kỳ Lân, Vía hè tuyến đường ĐT.768 nối dài, Đường Chu Văn An, Cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5.

+ **Đất thủy lợi:** kế hoạch được duyệt năm 2022 có 01 dự án Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông với diện tích 0,8 ha, tuy nhiên đến nay dự án chưa được thực hiện.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** kế hoạch được duyệt năm 2022 có 03 dự án với tổng diện tích 3,23 ha, tuy nhiên đến nay các dự án chưa được thực hiện.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** đang thực hiện 01/02 dự án với diện tích 0,26 ha là Trạm y tế xã Mã Đà (đang thu hồi đất), đạt 50% về số lượng và 73,17% diện tích kế hoạch duyệt.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:** đã và đang thực hiện 06/09 dự án với tổng diện tích 7,26 ha, đạt 66,672% về số lượng và 56,89% diện tích gồm: 02 dự án đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai là Trường MN Bình Lợi, Trường Tiểu học Bàu Phụng (CS2); Trường TH Tân Phú xã Thanh Phú (địa điểm mới ấp 1) đã có quyết định thu hồi đất; Trường TH-THCS Mã Đà đã có thông báo thu hồi đất; 02 dự án đã có chủ trương đầu tư là Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn và Trường MN Thiện Tân.

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** đến nay huyện đã và đang thực hiện 01/04 dự án là Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao) tại xã Mã Đà (diện tích 1,7 ha) đã có thông báo thu hồi đất, đạt 25% về số lượng và 48,6% diện tích được duyệt.

+ **Đất công trình năng lượng:** 05/06 dự án đã và đang thực hiện với tổng diện tích 131,24 ha, đạt 83,33% về số lượng và 99,69% về diện tích được duyệt. Cả 05 dự án đều đã có chủ trương đầu tư là Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (khu vực tạm sử dụng), Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo, Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng; Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiêm Tân (xã Trị An, thị trấn Vĩnh An); Đường dây 110kV Định Quán 2 - Vĩnh An.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** đã và đang thực hiện 02/02 dự án với tổng diện tích 6,06 ha, đạt 100% về cả số lượng và diện tích kế hoạch duyệt, gồm: Nhà máy xử lý và tái chế rác thải tại xã Vĩnh Tân đã có quyết định thu hồi đất, Trạm trung chuyển rác tại xã Phú Lý đã có chủ trương đầu tư.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** có 11 dự án với tổng diện tích 5,09 ha được duyệt năm 2022 nhưng chưa được thực hiện. Các công trình chủ yếu đã có hiện trạng, chủ yếu đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... nhưng đến nay chưa hoàn thành thủ tục theo quy định.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** đã và đang thực hiện 03/04 dự án với tổng diện tích 0,21 ha, đạt 75% về số lượng và 86,17% diện tích được duyệt, trong đó 02 dự án đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai là Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 và ấp 2 xã Mã Đà; 01 dự án đã có chủ trương đầu tư là Nhà văn hóa ấp Bình Lục (xã Tân Bình).

- **Đất ở tại nông thôn:** đã và đang thực hiện 06/08 dự án với tổng diện tích 99,79 ha, đạt 75% về số lượng và 94,42% diện tích gồm 04 dự án đã có quyết định thu hồi đất là Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6 Hiếu Liêm, Khu dân

cur (Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ), Khu dân cư tập trung xã Thạnh Phú, Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (xã Thạnh Phú); 02 dự án đã có chủ trương đầu tư là Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên), Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý).

- **Đất ở tại đô thị:** 02 dự án gồm: Đấu giá đất ở tại (thửa đất 194 tờ bản đồ 40) và Đấu giá đất ở kết hợp với thương mại dịch vụ (thửa 123 tờ 55) tại thị trấn Vĩnh An chưa thực hiện.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** kế hoạch được duyệt năm 2022 toàn huyện có 07 dự án với tổng diện tích 2,61 ha, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện.

- **Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 có 01 dự án với diện tích 0,9 ha đã có chủ trương đầu tư là Trại Kiểm lâm xã Phú Lý.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** đã và đang thực hiện 01/02 dự án với diện tích 6,52 ha, đạt 50% về số lượng và 9,73% diện tích là Nạo vét Rạch Mọi tại các xã (đã có quyết định thu hồi).

2.1.3. Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2022

Tính đến nay, kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện năm 2022 như sau:

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở: 12,27 ha/15ha, đạt 81,8%; trong đó chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở: 2,54 ha/5 ha, đạt 50,8%;

- Chuyển từ đất phi nông nghiệp không phải đất ở, chuyển sang đất ở: 0,12 ha/ 1 ha, đạt 12,40%;

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm: 64,13 ha/ 100 ha, đạt 64,13%;

- Chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp không phải rừng: 7,68 ha/ 25,5 ha, đạt 30,11%;

- Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0 ha/10 ha, đạt 0%;

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản: 0,48 ha/ 3 ha, đạt 16,63%.

- Chuyển từ đất phi nông nghiệp không phải đất ở, chuyển sang đất ở: 0,12 ha/1 ha, đạt 12,40%.

2.1.4. Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020

Tổng số dự án nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4261/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 và Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 10/08/2015; Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 30/12/2015; Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 15/08/2016; Quyết định số 4671/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/08/2017; Quyết định số 4691/QĐ-UBND ngày 28/12/2017; Quyết định số 4691/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định số 3910/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 còn lại trong kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 là 63 dự án/ 773,34 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai: 07 dự án/ 41,47 ha chiếm tỷ lệ 11,11% về số lượng dự án và 5,36% về diện tích;

- Đang tiếp tục triển khai thực hiện: 33 dự án/ 585,91 ha chiếm tỷ lệ 52,38% về số lượng dự án và 75,76% về diện tích gồm: đã có quyết định thu hồi đất 15 dự án/ 362,66 ha, đã có thông báo thu hồi đất 03 dự án/ 59,95 ha, đã được chấp thuận chủ trương đầu tư 15 dự án/ 163,3 ha;

- Chưa triển khai thực hiện: 23 dự án/ 145,96 ha chiếm tỷ lệ 36,51% về số lượng dự án và 18,87% về diện tích.

Cụ thể như sau:

- **Đất nông nghiệp khác:** đã xây dựng xong, chủ đầu tư đang lập lại thủ tục gia hạn để đầu tư 02 dự án: Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (12,16 ha) và Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (Công ty CP chăn nuôi Velbred) (2 vị trí) (27,35 ha) tại xã Phú Lý.

- **Đất quốc phòng:** Căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Vĩnh Cửu tại xã Hiếu Liêm (49 ha) đã có quyết định thu hồi đất; Trường bắn BB tại xã Tân An (21,3 ha); Công trình quốc phòng (DA1) - Bộ CHQST chưa thực hiện.

- **Đất an ninh:** 01 dự án/ 0,2 ha là Trụ sở công an xã Mã Đà đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất khu công nghiệp:** đang thực hiện 02 dự án/ 110,17 ha là Khu công nghiệp Sông Mây và Khu công nghiệp Thanh Phú đang tiếp tục thực hiện bồi thường.

- **Đất cụm công nghiệp:** 04 dự án/ 102,2 ha, trong đó: 02 dự án đã có quyết định thu hồi đất là Cụm CN Thiện Tân, Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú - Thiện Tân); đã hoàn thành kiểm đếm dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Công ty Cổ phần Đầu tư

Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO); dự án Đường vào cụm công nghiệp Thanh Phú - Thiện Tân chưa thực hiện.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** 02 dự án/ 23,67 ha chưa thực hiện là Cầu tàu du lịch Hiếu Liêm, Khu đất đấu giá (khu du lịch Đảo Ó - Đồng Trường).

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** có 01 dự án/ 9,69 ha đã có chủ trương đầu tư là Khu chế biến; đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa (Công ty CP Đầu tư xây dựng TMDV XNK Trường Trường Phát JP)

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** có 05 dự án/ 133,44 ha, trong đó: đã hoàn thành việc chuyển mục đích 01 dự án là Mỏ đá Thiện Tân 4; được chấp thuận chủ trương đầu tư đối với Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5, Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3), Mỏ đá Thiện Tân 9, Mỏ đá Thiện Tân 3.

- **Đất phát triển hạ tầng:** đã và đang thực hiện 17/64 dự án với tổng diện tích 98,56 ha. Trong đó:

+ **Đất giao thông:** đang thực hiện 09 dự án/ 91,38 ha, gồm: 04 dự án/ 72,6 ha đã có quyết định thu hồi đất là Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767 thị trấn Vĩnh An, Đường Vĩnh Tân - Tân An, Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 9, Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 7; 01 dự án/ 9,6 ha đã có thông báo thu hồi đất Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 15; 04 dự án/ 9,18 ha đã có chủ trương đầu tư là Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm, Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thanh Phú đoạn đầu nối ra trục 16 xã Thanh Phú theo quy hoạch, Vĩa hè tuyến đường ĐT768 nối dài (Đoạn từ nút giao thông ĐT768 đến nút ĐT762).

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** dự án Trạm y tế xã Mã Đà có diện tích 0,26 ha đang thu hồi đất.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** 02 dự án/ 1,66 ha đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai là Trường MN Bình Lợi, Trường tiểu học Bàu Phụng (CS2); 02 dự án/ 3,73 ha đã có quyết định thu hồi đất là Trường TH Tân Phú xã Thanh Phú (địa điểm mới ấp 1), Trường TH-THCS Mã Đà; 01 dự án đã có chủ trương đầu tư là Trường MN Thiện Tân.

+ **Đất công trình năng lượng:** 02 dự án/0,57 ha đang thực hiện, gồm Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo, Đường dây 110kV Định Quán 2 - Vĩnh An đã có chủ trương đầu tư.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai 02 dự án/ 0,1 ha là Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1, ấp 2 xã Mã Đà.

- **Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối:** 01 dự án/ 6,52 ha đang thực hiện là Nạo vét Rạch Mọi trên địa bàn các xã Bình Hòa, Tân Bình (đã có quyết định thu hồi đất).

(Chi tiết cụ thể của từng dự án tại biểu 02B/CH đính kèm)

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

2.2.1 Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Trong tổng số 114 dự án/ 1.044,2 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhưng hiện nay đã và đang thực hiện chỉ có 66 dự án/ 877,91 ha, đạt tỷ lệ 57,89% về số lượng và 84,07% về diện tích.

Trong số 66 dự án đã và đang triển khai thực hiện thì có 12 dự án/ 44,87 ha chưa hoàn thành các thủ tục đất đai (chiếm 118,18% số lượng và chiếm 5,11% diện tích các dự án đã và đang thực hiện), chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do đơn vị quốc phòng, an ninh thực hiện theo kế hoạch riêng nên công tác đôn đốc triển khai dự án khó thực hiện.

- Việc dự báo nhu cầu sử dụng đất còn có những hạn chế nhất định, chưa lường hết được những khó khăn trong quá trình thực hiện dự án. Do vậy đã đề ra kế hoạch sử dụng đất nhiều, chưa thật sự sát với khả năng triển khai thực hiện dự án.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải từ ngân sách của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, dự án sử dụng vốn do các chủ đầu tư khác (*không sử dụng từ ngân sách nhà nước*) không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận nên tiến độ thực hiện dự án đối với các dự án thuộc lĩnh vực này phụ thuộc nhiều vào năng lực của chủ đầu tư; đồng thời vướng mắc về luật đầu tư và luật đất đai dẫn đến tiến độ kéo dài cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến chậm tiến độ triển khai thực hiện của dự án.

- Đối với các dự án phục vụ xây dựng nông thôn mới (*nhà văn hóa ấp, sân thể thao, trường học,...*) đã sử dụng vào vị trí đất do UBND xã quản lý, sử dụng không sử dụng đất của dân, không bồi thường tài sản, để kịp thời đáp ứng nông thôn mới nên các dự án đã được xây dựng và đưa vào hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải thiện nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện

của toàn dự án. Đặc biệt một số dự án có quy mô diện tích lớn như: đường giao thông, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư,...trong quá trình thực hiện còn có một số hộ dân chưa đồng ý bàn giao mặt bằng, không cho thực hiện công tác kiểm đếm và khiếu kiện trong công tác bồi thường dẫn đến tiến độ dự án bị kéo dài.

2.2.2. Đối với các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 nhưng chưa triển khai thực hiện

Ngoài các nguyên nhân nêu trên, còn một số nguyên nhân khác như:

- Một số dự án (chủ yếu là văn phòng các ấp) do nhu cầu xây dựng nông thôn mới nên khi bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn phải điều chỉnh sang vị trí khác thuận lợi hơn để triển khai xây dựng hoặc đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai;

Các công trình tôn giáo đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất đã quá 3 năm chưa triển khai thực hiện do các cơ sở tôn giáo chỉ đăng ký cơ sở tôn giáo hợp pháp, chưa lập thủ tục chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất tôn giáo.

- Năm 2015, năm 2016, năm 2017 là năm đầu tiên lập kế hoạch nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện, dẫn đến đưa vào kế hoạch nhiều dự án chưa đầy đủ điều kiện để thực hiện đặc biệt là chưa bố trí được vốn đầu tư. Đồng thời, một số dự án phải trải qua nhiều thủ tục phức tạp, qua nhiều sở ngành nên thời gian kéo dài.

2.2.3. Đề xuất xử lý các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và nhu cầu thực tế của huyện Vĩnh Cửu, trong số các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 sẽ đề xuất hủy kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện do quá 3 năm chưa thực hiện hoặc không còn nhu cầu là 30 dự án/ 186,5 ha. Trong đó:

- Hủy bỏ do dự án đã bị Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra khỏi danh mục dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do quá 03 năm nhưng chưa triển khai theo quy định tại Khoản 3, Điều 49, Luật Đất đai năm 2013 là 02 dự án/0,1 ha;

- Dự án đã xây dựng nhưng không làm thủ tục đất đai là 03 dự án/39,71 ha;

- Dự án chưa thực hiện quá 03 năm phải đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 49, Luật Đất đai năm 2013 là 25 dự án/146,69 ha.

Trong quá trình triển khai kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015 - 2020 do một số yếu tố như: quy hoạch sử dụng đất đang điều chỉnh, thay đổi chủ trương đầu

tư hoặc nhà đầu tư, khả năng huy động vốn của chủ đầu tư, vướng mắc trong quá trình làm thủ tục,... do đó một số dự án đã được đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 nhưng đến nay vẫn còn đang thực hiện dang dở. Vì vậy, đề xuất tiếp tục chuyển tiếp 33 dự án/ 586,84 ha.

Tuy nhiên, hồ sơ trình thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa đủ thời gian để các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện lấy ý kiến đối với các dự án đề xuất chuyển tiếp trên, do đó Hội đồng thẩm định thống nhất với ý kiến chưa đưa các dự án đã quá 03 năm vào danh mục các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện còn chậm (*48 dự án/ 114 dự án chưa triển khai*) do chủ yếu vướng mắc các quy định về đất đai và đầu tư, đặc biệt là các dự án khu dân cư, dự án có sử dụng đất công và các dự án nhận chuyển nhượng, góp vốn quyền sử dụng đất. Nguồn vốn để giải ngân cho các dự án còn chậm nên các dự án chủ yếu đang hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: đo đạc, khảo sát, lập báo cáo và trình thẩm định hồ sơ nghiên cứu khả thi, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình; điều chỉnh chủ trương đầu tư, chuyển vẽ ranh thiết kế lên bản đồ địa chính,...

Bên cạnh đó, một số dự án có quy mô diện tích lớn như: đường giao thông, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư,...trong quá trình thực hiện còn có một số hộ dân chưa đồng ý bàn giao mặt bằng, không cho thực hiện công tác kiểm đếm và khiếu kiện trong công tác bồi thường dẫn đến tiến độ dự án bị kéo dài.

Trong số các dự án chưa triển khai thực hiện có 11 dự án/5,09 ha là các cơ sở tôn giáo được đưa vào kế hoạch sử dụng đất theo đề nghị của Ban Tôn giáo tỉnh; việc thực hiện thủ tục giao đất với các cơ sở tôn giáo được do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các ngành xử lý.

Đối với các dự án liên quan đến đất quốc phòng (Trường bắn Bộ binh tại xã Tân An 21,3 ha, Công trình quốc phòng (DA1) tại xã Thiện Tân 5,7 ha), dự án do Ban Quản lý dự án tỉnh làm chủ đầu tư, các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đăng ký nên UBND huyện không chủ động trong việc triển khai thực hiện.

Đối với các dự án dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, dự án sử dụng vốn do các chủ đầu tư khác (*không sử dụng từ ngân sách nhà nước*) không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận nên tiến độ thực hiện dự án đối với các dự án thuộc lĩnh vực này phụ thuộc nhiều vào năng lực của chủ đầu tư; đồng thời vướng mắc về luật đầu tư và luật đất đai dẫn đến tiến độ kéo dài cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến chậm tiến độ triển khai thực hiện của dự án.

Đối với các dự án phục vụ xây dựng nông thôn mới (*nhà văn hóa ấp, sân thể thao, trường học,...*) đã sử dụng vào vị trí đất do UBND xã quản lý, sử dụng không sử dụng đất của dân, không bồi thường tài sản, để kịp thời đáp ứng nông thôn mới nên các dự án đã được xây dựng và đưa vào hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

3.1.1. Chỉ tiêu kinh tế

Chỉ tiêu phát triển kinh tế năm 2023 của huyện như sau:

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng từ 11% so với năm 2022.
- Giá trị ngành thương mại - dịch vụ tăng 17% so với năm 2022.
- Giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản tăng 4% so với năm 2022.
- Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 462,260 tỷ đồng (vốn từ ngân sách).
- Thu ngân sách nhà nước đạt dự toán pháp lệnh tỉnh giao.
- Thành lập mới 01 - 02 hợp tác xã (Tỷ lệ HTX hoạt động có hiệu quả trên 70%).
- Xây dựng 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng 03 - 04 khu dân cư đạt chuẩn dân cư kiểu mẫu.

3.1.2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội

- Giữ vững xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục các bậc học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo chuẩn quốc gia. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 92,5%, giữ vững tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100.
- Giữ vững 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Giảm từ 20 - 30% xã không còn hộ nghèo A (theo chuẩn năm 2021-2025).

- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch đạt chuẩn QC02: dân cư đô thị đạt > 97%; dân cư nông thôn sử dụng đạt 83,5%.

- Tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa đạt 90%; hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 90%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa trên 98%; tỷ lệ danh nghiệp đạt chuẩn văn hóa từ 75% trở lên.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

3.1.3. Chỉ tiêu Môi trường

- Thu gom và xử lý 100% chất thải y tế; 100% chất thải nguy hại; 100% chất thải rắn sinh hoạt; 100% chất thải công nghiệp không nguy hại.

- Ổn định tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 65%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 63%.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn, nhu cầu của các chủ đầu tư, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện và kế hoạch bố trí vốn đầu tư công của huyện trong năm 2023. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu được tổng hợp như sau:

3.2.1. Số lượng dự án thực hiện trong năm 2023

Kế hoạch năm 2023, trên địa bàn huyện sẽ thực hiện 61 dự án sử dụng đất với tổng diện tích 277,63 ha. Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sang năm 2023 là 50 dự án/ 270,72 ha.

- Dự án đăng ký bổ sung mới: 11 dự án/ 6,81 ha.

Bảng 03: Số lượng công trình, dự án đưa thực hiện trong năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Chuyển tiếp từ KHSDD 2022		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích
	Đất nông nghiệp	1	1,13	1	1,13	-	-
1	Đất nông nghiệp khác	1	1,13	1	1,13	-	-
	Đất phi nông nghiệp	60	276,40	49	269,59	11	6,81
2	Đất quốc phòng	-	-	-	-	-	-
3	Đất an ninh	1	0,42	1	0,42	-	-
4	Đất khu công nghiệp	-	-	-	-	-	-
5	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-	-
6	Đất thương mại, dịch vụ	1	7,05	1	7,05	0	-
7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2	6,11	2	6,11	0	-

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2022		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích	Số dự án	Diện tích
8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	5	75,34	5	75,34	-	-
9	Đất phát triển hạ tầng	38	162,56	29	158,22	9	4,34
	Trong đó:						
	- Đất giao thông	9	9,33	7	6,16	2	3,17
	- Đất thủy lợi	2	0,85	1	0,80	1	0,05
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	3	3,23	3	3,23	-	-
	- Đất cơ sở y tế	2	0,12	1	0,10	1	0,02
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	3	5,21	3	5,21	-	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	3	2,64	3	2,64	-	-
	- Đất công trình năng lượng	4	131,08	4	131,08	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	7	7,16	2	6,06	5	1,10
	- Đất cơ sở tôn giáo	5	2,95	5	2,95	0	-
10	Đất sinh hoạt cộng đồng	2	0,14	2	0,14	-	-
11	Đất ở tại nông thôn	2	21,21	1	18,80	1	2,41
12	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-	-
13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	8	2,67	7	2,61	1	0,06
14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,90	1	0,90	-	-
	Tổng số	61	277,53	50	270,72	11	6,81

(Danh mục các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được thể hiện trong Biểu 06/CH)

3.2.1.1. Các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

a. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh

- **Đất an ninh:** chuyển tiếp 01 dự án/ 0,42 ha từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là Trụ sở Công an xã Thiện Tân.

3.2.1.2. Các công trình, dự án còn lại

a. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

- **Đất giao thông:** 09 dự án/ 9,33 ha, trong đó:

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 có 07 dự án/ 6,16 ha gồm: Đường Bình Ninh (0,67 ha); Đường nội đồng cây Gõ (0,45 ha); Đường nội

đồng giáo Tùng (0,65 ha); Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối Hương lộ 7 (1,06 ha); Đường Chu Văn An (2,33 ha); Cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5 (0,5 ha);

+ Bổ sung mới 02 dự án/ 3,17 ha trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân Triều (0,47 ha); Đường giao thông nội đồng Bình Lục- Long Phú (số 9, 10, 11, 12, 13 và 16) diện tích 2,7 ha.

- **Đất thủy lợi:** 02 dự án/ 0,85 ha, chuyển tiếp 01 dự án/ 0,8 ha là Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông. Bổ sung mới 01 dự án: Hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Trị An (0,05 ha).

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** có 01 dự án/ 0,02 ha được bổ sung mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là Trạm y tế xã Bình Hòa.

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:** có 01 dự án/ 0,91 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn.

- **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** có 01 dự án/ 1,70 ha chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao) xã Mã Đà.

- **Đất công trình năng lượng:** có 04 dự án/ 131,08 ha, toàn bộ được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, gồm: Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiềm Tân (0,26 ha); Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng) tại xã Hiếu Liêm (92,23 ha); Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng (38,18 ha); Trạm 110Kv Tân An và đầu nối (0,41 ha).

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** 06 dự án/ 2,1 ha, trong đó:

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 gồm 01 công trình/ 1,0 ha là Trạm trung chuyển rác tại Phú Lý;

+ Bổ sung mới 05 dự án/ 1,1 ha, gồm: Trạm trung chuyển rác xã Mã Đà (0,05 ha), Trạm trung chuyển rác xã Thạnh Phú (0,3 ha), Trạm trung chuyển rác thị trấn Vĩnh An (0,3 ha), Trạm trung chuyển rác tại xã Hiếu Liêm (2 vị trí) 0,4 ha, Trạm trung chuyển rác xã Tân An (0,05 ha).

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** có 01 dự án/ 0,11 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là: Nhà văn hóa ấp Bình Lục xã Tân Bình.

- **Đất ở tại nông thôn:** có 02 dự án/ 21,21 ha, trong đó:

+ 01 dự án/ 18,8 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là Khu dân cư tập trung xã Thạnh Phú;

+ Bổ sung mới 01 dự án là Xây dựng khu dân cư phục vụ tái định cư xã Bình Lợi với diện tích 2,41 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** có 01 dự án/ 0,06 ha là bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thanh Phú.

- **Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp:** có 01 dự án/ 0,9 ha là Trạm Kiểm lâm xã Phú Lý.

b. Công trình, dự án thu hồi đất theo Điều 65 Luật đất đai năm 2013

- **Đất cơ sở tôn giáo:** 05 dự án/ 2,95 ha, trong đó:

Toàn bộ được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, gồm: Niệm phật đường Phước An (0,19 ha), Tịnh thất Viên Quang (0,72 ha), Giáo xứ Thịnh An (1,27 ha), Giáo xứ Thuận An (0,7 ha), Chi hội Tin lành Vĩnh An (0,07 ha);

c. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất

- **Đất nông nghiệp khác:** 01 dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trị An (Cty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Chí Phú) tại xã Trị An với diện tích 1,13 ha;

- **Đất thương mại, dịch vụ:** 01 dự án/ 7,05 ha, đây là dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là Điểm du lịch sinh thái Green Heaven;

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** 01 dự án/ 1,28 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022 là Công trình phụ trợ mỏ đá Thanh Phú 3.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** 05 dự án/ 75,34 ha, toàn bộ dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, gồm: Mỏ đá Thanh Phú 1 (37,63 ha), Mỏ đá Thiện Tân 2 (0,94 ha), Mỏ đá Thiện Tân 1 (4,17 ha), Mỏ đá Thiện Tân 8 (26,10 ha), Mỏ đá Thiện Tân 7 (6,5 ha).

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:** 01 dự án/ 3,5 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tại xã Phú Lý.

d. Các khu vực khác

* **Khu đất đấu giá:** 01 dự án/ 4,83 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: Khu đất đấu giá theo quy hoạch tại xã Tân An.

* **Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục giao đất:**

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** 07 dự án/ 2,61 ha. Toàn bộ dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, gồm: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trụ sở Quân sự, trụ sở UBND các xã Mã Đà, Hiếu Liêm, xã Bình Hòa,

thị trấn Vĩnh An để hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận theo quy định.

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:** 01 dự án là trường Tiểu học Bình Lợi diện tích 0,8 ha chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận theo quy định.

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** 01 dự án/ 0,1 ha được chuyển tiếp để hoàn thành thủ tục đất đai là Trạm y tế xã Bình Lợi.

- **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** 02 dự án/ 0,94 ha, gồm: Sân bóng và Sân vận động ấp 1 tại xã Hiếu Liêm được chuyển tiếp để hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** 03 dự án với diện tích 3,23 ha được chuyển tiếp để hoàn thành thủ tục đất đai là: Trung tâm nhà văn hóa xã Hiếu Liêm, Trung tâm học tập cộng đồng xã Mã Đà, Trung tâm Văn hóa xã Bình Hòa.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** dự án Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Hiếu Liêm (0,03 ha) được chuyển tiếp sang kế hoạch 2023 để hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** 01 dự án là Nhà máy xử lý và tái chế rác thải tại xã Vĩnh Tân (5,06 ha) đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận theo quy định.

3.2.2. Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2023

Xác định nhu cầu chuyển mục đích trên cơ sở đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

Đã triển khai theo đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trong năm 2023 theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, do chưa đủ thời gian thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nên Hội đồng thẩm định thống nhất chưa đưa vào chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích trong năm 2023.

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được tính toán trên cơ sở thống kê đất đai năm 2021 và các công trình đã thực hiện xong trong năm kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong năm 2023 của huyện và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương để phân bổ nhu cầu sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phát huy được lợi thế và có tính khả thi. Theo đó chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu như sau:

Bảng 04: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023*Đơn vị tính: ha*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích năm 2022 (dự ước)	Kế hoạch sử dụng đất 2023		
			Diện tích (ha)	Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	89.055,78	88.865,04	-190,74	81,59
1.1	Đất trồng lúa	1.554,18	1.539,79	-14,39	1,73
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.304,81	1.294,68	-10,13	1,46
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.195,42	2.176,49	-18,93	2,45
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.701,14	11.614,46	-86,68	13,07
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	11,57	0,00	0,01
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.103,70	64.103,70	0,00	72,14
1.6	Đất rừng sản xuất	7.947,57	7.881,87	-65,70	8,87
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	2.225,57	2.225,57	-	2,50
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.223,60	1.217,64	-5,96	1,37
1.8	Đất nông nghiệp khác	318,60	319,52	0,92	0,36
2	Đất phi nông nghiệp	19.858,66	20.049,40	190,74	18,41
2.1	Đất quốc phòng	167,49	167,49	-	0,84
2.2	Đất an ninh	9,87	10,29	0,42	0,05
2.3	Đất khu công nghiệp	120,96	120,96	-	0,60
2.4	Đất cụm công nghiệp	158,47	158,47	-	0,79
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	59,31	66,36	7,05	0,33
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	325,47	331,00	5,53	1,65
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	457,56	492,37	34,81	2,46
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.773,45	1.914,98	141,53	9,55
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất giao thông	1.099,75	1.101,03	1,28	57,50
	- Đất thủy lợi	74,01	73,44	-0,57	3,84
	- Đất cơ sở văn hoá	11,39	11,39	-	0,59
	- Đất cơ sở y tế	8,37	8,39	0,02	0,44
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	84,40	88,81	4,41	4,64
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	12,04	13,74	1,70	0,72
	- Đất công trình năng lượng	131,82	262,90	131,08	13,73
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,59	2,59	0,00	0,14
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	15,41	0,00	0,80
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	83,10	85,20	2,10	4,45

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích năm 2022 (dự ước)	Kế hoạch sử dụng đất 2023		
			Diện tích (ha)	Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	- Đất cơ sở tôn giáo	30,29	31,80	1,51	1,66
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	216,25	216,25	-	11,29
	- Đất chợ	4,03	4,03	-	0,21
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,65	6,65	-	0,03
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,85	8,85	-	0,04
2.11	Đất ở tại nông thôn	940,37	948,78	8,41	4,73
2.12	Đất ở tại đô thị	178,05	177,30	-0,75	0,88
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,50	17,93	-0,57	0,09
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	15,14	16,04	0,90	0,08
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,38	13,37	-0,01	0,07
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.718,60	1.716,58	-2,02	8,56
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.886,54	13.881,98	-4,56	69,24

(Chi tiết chỉ tiêu thu hồi đất theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 03/CH)

3.3.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 88.865,04 ha. So với dự ước hiện trạng năm 2022, diện tích giảm 190,74 ha. Nguyên nhân giảm để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, trong đó, giảm nhiều vào mục đích đất phát triển hạ tầng, đất ở nông thôn, đất quốc phòng, đất cụm công nghiệp,... Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** diện tích kế hoạch đến năm 2023 là 1.539,79 ha, giảm 14,39 ha so với năm 2022. Diện tích giảm chủ yếu chuyển sang các mục đích đất trồng cây lâu năm, đất ở nông thôn, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, đất cụm công nghiệp,...

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: chỉ tiêu kế hoạch 2023 có diện tích 1.294,68 ha và giảm 10,13 ha so với hiện trạng 2022.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** năm 2023 diện tích kế hoạch là 2.176,49 ha, giảm 18,93 ha so với năm 2022. Diện tích giảm chủ yếu do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án đất cụm công nghiệp, đất ở tại nông thôn, đất khu công nghiệp, đất công trình năng lượng,...

- **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 11.614,46 ha, giảm 86,68 ha so với năm 2022 do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong đó, chủ yếu chuyển

sang mục đích đất ở tại nông thôn 43,99 ha, đất quốc phòng 60,05 ha, đất cụm công nghiệp 31,67 ha, đất giao thông 31,31 ha,...

- **Đất rừng phòng hộ:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 11,57 ha, ổn định so với năm 2022.

- **Đất rừng đặc dụng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 có diện tích 64.103,70 ha, ổn định so với năm 2022.

- **Đất rừng sản xuất:** chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2023 là 7.881,87 ha. So với năm 2022, diện tích giảm 65,7 ha. Phần diện tích giảm chủ yếu để thực hiện các dự án đất quốc phòng (66,86 ha), đất công trình năng lượng (59,98 ha), đất ở (32,61 ha),...

Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: chỉ tiêu kế hoạch 2023 ổn định so với năm 2022, có diện tích 2.225,57 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 1.217,64 ha. So với năm 2022, giảm 5,96 ha do chuyển sử dụng sang các mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp như đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất công trình năng lượng, đất ở nông thôn;... bên cạnh đó trong năm có một phần diện tích từ đất trồng lúa chuyển sang nuôi trồng thủy sản.

- **Đất nông nghiệp khác:** kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 là 319,52 ha, tăng 0,92 ha so với năm 2022, để tiếp tục thực hiện Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao tại xã Trị An.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 đất phi nông nghiệp có diện tích 20.049,40 ha. so với năm 2022 diện tích tăng 190,74 ha do sử dụng từ đất nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 là 167,49 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2022.

- **Đất an ninh:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 10,29 ha, so với năm 2022 tăng 0,42 ha để thực hiện các Trụ sở Công an xã Thiện Tân.

- **Đất khu công nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 120,96 ha, ổn định so với năm 2022.

- **Đất cụm công nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất năm 2023 giữ nguyên so với năm 2022 với diện tích 158,47 ha,

- **Đất thương mại, dịch vụ:** chỉ tiêu diện tích năm 2023 là 66,36 ha, tăng 7,05 ha so với năm 2022. Phần diện tích tăng do tiếp tục thực hiện công trình chuyển tiếp.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 331,0 ha. So với năm 2022, diện tích tăng 5,53 ha, tiếp tục thực hiện các dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2023 là 492,37 ha, tăng 34,81 ha so với năm 2022. Diện tích tăng để tiếp tục thực hiện các khu khai thác mỏ đá đã được đưa vào kế hoạch.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Diện tích kế hoạch đến năm 2023 là 1.914,98 ha. So với năm 2022, diện tích tăng 141,53 ha. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** Kế hoạch năm 2023 diện tích là 1.101,03 ha, tăng 1,28 ha so với hiện trạng 2022. Trong đó, diện tích tăng thực 8,59 ha là do tiếp tục thực hiện các công trình phát triển mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện; còn diện tích giảm thực trong kỳ là 7,31 ha để dùng vào các mục đích sử dụng đất khác như: đất công trình năng lượng, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm,...

+ **Đất thủy lợi:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 73,44 ha, so với năm 2022 giảm 0,57 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** so với năm 2022 thì chỉ tiêu kế hoạch đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2023 ổn định với diện tích 11,39 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** diện tích kế hoạch đến năm 2023 là 8,39 ha, tăng 0,02 ha so với hiện trạng năm 2022 để thực hiện Trạm y tế các xã: Bình Hòa, Bình Lợi.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2023 là 88,81 ha, tăng 4,41 ha so với năm 2022 do một số mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyển sang để xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục - đào tạo.

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** diện tích kế hoạch năm 2023 là 13,74 ha, tăng 1,7 ha so với năm 2022. Diện tích tăng do bố trí đất để làm sân bóng, sân vận động các ấp trên địa bàn xã.

+ **Đất công trình năng lượng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 262,9 ha, so với năm 2022 tăng 131,08 ha là do một số chỉ tiêu đất khác chuyển sang như đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm,... để xây dựng, mở rộng các công trình năng lượng.

+ **Đất công trình bưu chính viễn thông:** so với hiện trạng năm 2022 thì đất công trình bưu chính viễn thông ổn định với diện tích 2,59 ha.

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** diện tích năm 2023 là 15,41 ha, ổn định so với năm 2022.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 85,20 ha, so với hiện trạng năm 2022 tăng 2,1 ha để thực hiện các trạm trung chuyển rác tại các xã: Phú Lý, Mã Đà, Thạnh Phú, Tân An, Hiếu Liêm và thị trấn Vĩnh An.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** diện tích kế hoạch đến năm 2023 diện tích đất tôn giáo là 31,8 ha, tăng 1,51 ha so với năm 2022.

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 216,25 ha, giữ nguyên hiện trạng so với năm 2022.

+ **Đất chợ:** so với hiện trạng năm 2022 thì đất chợ ổn định với diện tích 4,03 ha trong chỉ tiêu kế hoạch 2023.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** kế hoạch năm 2023 là 6,65 ha, ổn định so với năm 2022.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 8,85 ha, ổn định so với năm 2022.

- **Đất ở tại nông thôn:** kế hoạch năm 2023, diện tích là 948,78 ha, tăng 8,41 ha so với năm 2022. Trên thực tế, diện tích tăng thực là 8,71 ha chủ yếu từ chỉ tiêu đất nông nghiệp chuyển sang để thực hiện các dự án khu dân cư và khu đất lợi thế tại các xã; còn diện tích giảm thực là 0,3 ha để chuyển sang mục đích sử dụng khác như: đất giao thông, đất khu công nghiệp,...

- **Đất ở tại đô thị:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 177,30 ha, giảm 0,75 ha so với năm 2022. Diện tích giảm do nhu cầu chuyển sang mục đích phi nông nghiệp khác như đất giao thông, thương mại - dịch vụ,...

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** kế hoạch năm 2023 là 17,93 ha, giảm 0,57 ha so với năm 2022 chủ yếu do chuyển sang đất an ninh, đất phát triển hạ tầng.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** chỉ tiêu diện tích năm 2023 là 16,04 ha, tăng 0,9 ha so với năm 2022.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** diện tích đến năm 2023 là 13,37 ha, giảm 0,01 ha so với năm 2022, để thực hiện Trạm cấp nước sạch nông thôn xã Trị An.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** kế hoạch đến năm 2023 là 1.716,58 ha, giảm 2,02 ha so với năm 2022.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích đến năm 2023 là 13.881,98 ha, giảm 4,56 ha so với năm 2022. Phần diện tích giảm chuyển sang mục đích sử dụng khác là đất công trình năng lượng.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

3.4.1. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	190,74
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	14,39

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	10,13
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	18,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	85,55
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	65,70
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	5,96
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,21
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-
	Trong đó:		-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4A/CH kèm theo)

3.4.2. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	218,32
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	48,07
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	20,67
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	25,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	73,30
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	52,56
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	5,9
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	13,21
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,01
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-
	Trong đó:		

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4B/CH kèm theo)

3.4.3. Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2023

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất năm 2023, rà soát với bản đồ địa chính xác định trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 35 dự án/ 515,71 ha, trong đó có sử dụng đất trồng lúa 136,11 ha, đất rừng phòng hộ 5,9 ha.

Bảng 06: Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích	Diện tích thu hồi	Trong đó sử dụng vào		
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	4	71,17	68,27	42,04	-	-
2	Đất phát triển hạ tầng	12	105,56	104,82	5,97	5,9	-
	Trong đó:					-	
	- Đất giao thông	7	8,36	7,62	5,03	-	-
	- Đất thủy lợi	1	0,80	0,80	0,35	-	-
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	-	-	-	-	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1	3,50	3,50	0,16	-	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	-	-	-	-	-	-
	- Đất công trình năng lượng	3	92,90	92,90	0,43	5,90	-
3	Đất ở tại nông thôn	-	-	-	-	-	-
4	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-	-
5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,06	0,06	0,06	-	-
6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	-	-	-	-	-	-
	Tổng	17	176,79	173,15	48,07	5,9	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4C/CH kèm theo)

* Dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên và đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên: 02 dự án/ 63,73 ha trong đó sử dụng vào đất trồng lúa 36,77 ha, gồm: Mỏ đá Thanh Phú 1 (20,87 ha), Mỏ đá Thiện Tân 8 (15,9 ha).

* Dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha, rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng dưới 20 ha: có 15 dự án/ 113,06 ha sử dụng vào đất trồng lúa 11,3 ha, đất rừng phòng hộ 5,9 ha.

Cụ thể:

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gốm:** 04 dự án/ 71,17 ha, trong đó sử dụng 42,04 ha đất trồng lúa, đây là các dự án mỏ đá nằm chủ yếu trên địa bàn xã Thiện Tân.

- **Đất phát triển hạ tầng:** 12 dự án/ 105,56 ha sử dụng vào đất trồng lúa là 5,97ha và đất rừng phòng hộ 5,9 ha. Trong đó:

+ **Đất giao thông:** 07 dự án/ 8,36 ha. Các công trình sử dụng vào diện tích đất trồng lúa là 5,03 ha, gồm: Đường Bình Ninh; Đường nội đồng cây Gõ; Đường nội đồng giáo Tùng; Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương lộ 7; Mở rộng đường cây Gõ; Đường Chu Văn An; Đường giao thông nội đồng Bình Lục - Long Phú (số 9, 10, 11, 12, 13 và 16).

+ **Đất thủy lợi:** 01 dự án/ 0,8 ha, sử dụng đất trồng lúa 0,35 ha là Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông tại xã Thiện Tân.

+ **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** 01 dự án/ 3,5 ha, sử dụng đất trồng lúa 0,16 ha là Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

+ **Đất công trình năng lượng:** 03 dự án/ 92,9 ha, sử dụng 0,43 ha đất trồng lúa gồm: Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiềm Tân (0,02 ha), Trạm 110kV Tân An và đầu nối (0,41 ha) và 5,9 ha đất rừng phòng hộ là dự án Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng).

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** 01 dự án/ 0,06 ha, để bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thanh Phú.

3.5. Diện tích đất cần thu hồi đất trong năm 2023

Bảng 07: Diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đất nông nghiệp	133,04
1.1	Đất trồng lúa	5,87

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích thu hồi (ha)
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	1,15
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	5,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	56,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	5,90
1.5	Đất rừng sản xuất	48,7
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	11,35
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,01
2	Đất phi nông nghiệp	25,36
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,7
2.2	Đất phát triển hạ tầng	13,78
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất giao thông	2,57
	- Đất thủy lợi	5,25
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,42
	- Đất công trình năng lượng	3,50
	- Đất cơ sở tôn giáo	1,98
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	0,06
2.3	Đất ở tại nông thôn	5,03
2.4	Đất ở tại đô thị	-
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,26
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,07
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1,35
2.8	Đất có mặt nước chuyên dùng	4,17

(Chi tiết chỉ tiêu thu hồi đất theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 05A/KH)

3.6. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2023

Trong số các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nêu trên thì các dự án sẽ đăng ký thu hồi đất theo Điều 61, Điều 62, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 8, khoản 10, khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP là 35 dự án/ 171,64 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 158,4 ha. Trong đó:

Bảng 08: Số lượng công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2023

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đất an ninh	1	0,42	0,42
2	Đất phát triển hạ tầng	29	148,94	148,2

3	Trong đó:			
	- Đất giao thông	9	9,33	8,59
	- Đất thủy lợi	2	0,85	0,85
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	-	-	-
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	1	0,02	0,02
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1	0,91	0,91
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	1	1,70	1,70
	- Đất công trình năng lượng	4	131,08	131,08
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	6	2,10	2,10
	- Đất cơ sở tôn giáo	5	2,95	2,95
4	Đất sinh hoạt cộng đồng	1	0,11	0,11
5	Đất ở tại nông thôn	2	21,21	8,71
6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,06	0,06
7	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,90	0,90
8	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	-	-	-
	Tổng	35	171,64	158,4

(Chi tiết cụ thể của từng dự án tại biểu 5B/CH đính kèm)

3.6.1. Các công trình dự án sử dụng vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi trong năm kế hoạch

- Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai năm 2013 là 01 dự án/ 0,42 ha, diện tích thu hồi là 0,42 ha, là Trụ sở công an xã Thiệu Tân.

3.6.2. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách Nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

- Các dự án cần thu hồi đất thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 29 dự án/ 168,27 ha, trong đó, diện tích thu hồi là 155,03 ha, gồm:

+ Điểm a - Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương là 05 dự án với tổng diện tích 3,59 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 3,59 ha:

+ Điểm b - Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải là 21 dự án với tổng diện tích 143,36 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 142,6 ha.

+ Điểm c - Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công

vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 02 dự án với tổng diện tích 2,52 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 2,52 ha.

+ Điểm d - Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 01 dự án 18,8 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 6,3 ha.

3.6.3. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 65 của Luật Đất đai: tự nguyện trả lại đất là 05 dự án với tổng diện tích 2,95 là các công trình cơ sở tôn giáo.

3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện bố trí nhiều công trình, dự án trọng điểm, tập trung mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc tính toán các khoản thu, chi từ đất trong phương án quy hoạch được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý và cơ sở như sau:

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024;

- Quyết định số 56/20122/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai

5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện, dự kiến các khoản thu, chi từ đất của huyện như sau:

- Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, cho thuê đất, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó tổng thu từ đất khoảng 200 tỷ đồng.

- Tổng chi từ đất khoảng 100 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, chi suất tái định cư tối thiểu.

- Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là: 100 tỷ đồng.

Bên cạnh việc mang lại những khoản thu cần thiết cho huyện, việc thực hiện dự án theo quy hoạch góp phần cải tạo mỹ quan đô thị trong tương lai, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

Kết quả này cho thấy rõ rệt về tính hiệu quả của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu.

IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

4.1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất;

- Xác định diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, giao trách nhiệm cho Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Đồng Nai thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích đã được giao; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán trong các khu dân cư, dải cây xanh cách ly, cây xanh công viên và ven đường giao thông.

- Đối với các dự án có sử dụng đất rừng, đất chuyên trồng lúa nước trước khi triển khai thực hiện phải hoàn thành các thủ tục liên quan chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; đối với các dự án sử dụng đất chuyên trồng lúa phải thực hiện và hoàn thành phương án sử dụng lớp đất mặt, nộp tiền theo quy định của Luật

Trồng trọt; Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác đối với dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

4.1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Tăng cường giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản và khai thác vật liệu xây dựng; giám sát việc thực hiện Dự án ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng về Luật bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích nông dân sử dụng các phương pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng phân vô cơ, dùng phân hữu cơ vi sinh làm căn bản trong sản xuất nông nghiệp;

- Khuyến khích thu hút đầu tư các công trình xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện; thực hiện nhanh các dự án cải tạo, khơi thông dòng chảy của các suối, hệ thống thoát nước; xây dựng hệ thống các trạm bơm thu gom nước thải về nơi xử lý tập trung; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xử lý rác, chế biến phân bón vi sinh tại khu vực bãi thải, bãi xử lý chất. Tăng cường thu gom chất thải chuyển về nơi xử lý và tiêu hủy chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong huyện;

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường, tăng hàm lượng giá trị gia tăng trên sản phẩm sản xuất, sản xuất thành phẩm, sử dụng ít lao động nhằm giảm áp lực tăng dân số cơ học cho huyện;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường: như khai thác cát trên sông Đồng Nai, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp thị trấn, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện

Sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023, UBND huyện Vĩnh Cửu sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

4.3.1.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban, UBND cấp xã có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch sử dụng đất của huyện đạt chất lượng, hiệu quả;

- Tham mưu UBND huyện thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ cũng như các khó khăn vướng mắc của từng dự án để kịp thời tham mưu UBND huyện tháo gỡ khó khăn hoặc kiến nghị UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền;

- Quản lý đất đai chặt chẽ, đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra các dự án đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đưa đất vào sử dụng.

4.3.1.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trong năm 2023.

4.3.1.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn, xã

- Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện: triển khai đấu giá quyền sử dụng đất đối với các khu đất đã đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Ban Quản lý Dự án huyện: chủ động trong việc lập các hồ sơ chuẩn bị đầu tư để đảm bảo điều kiện được bố trí vốn cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đặc biệt là đối với các dự án thuộc ngân sách tỉnh; tập trung hoàn thiện thủ tục giao đất đối với các dự án đã triển khai, đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thành thủ tục.

- UBND các xã, thị trấn Vĩnh An:

+ Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án công trình theo luật định; thông báo đến các hộ dân trên địa bàn đăng ký bổ sung kế hoạch sử dụng đất khi có nhu cầu;

+ Triển khai thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư, vận động người sử dụng đất thực hiện chuyển mục đích đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích được duyệt;

+ Lập hồ sơ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các dự án đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai trong quá trình thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới (*nhà văn hóa ấp, sân thể thao, trường học, ...*).

4.3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện công bố, công khai kịp thời và đúng quy định, để cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất thống nhất, chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tình hình triển khai hiện các dự án, công trình theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhằm tránh tình trạng dự án treo, hoặc đầu cơ chờ cơ hội chuyển nhượng dự án để trục lợi. Kiến nghị Sở

Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh thu hồi diện tích đất đã giao hoặc đã cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê nhưng không hoặc chậm đưa đất đã được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, sai mục đích;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành đối với việc lập kế hoạch sử dụng đất sao cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và tình hình phát triển bền vững của địa phương, nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

4.4. Giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ

- Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với cơ chế, chính sách chung của tỉnh; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị, đồng thời thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và các dự án đô thị, để tiến tới mở rộng không gian đô thị toàn huyện; phát triển quỹ nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, xã hội hóa các dịch vụ về: văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ, khoa học và công nghệ;

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Vĩnh Cửu như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng như các tập đoàn kinh tế trong nước và nước ngoài. Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng các đề án huy động các nguồn vốn đầu tư từ thị trường tài chính trong nước, quốc tế, nguồn vốn ODA, FDI, vốn tín dụng phát triển của Nhà nước cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính, viễn thông; ưu tiên phát triển các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục,...

4.4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực

hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Rà soát, tổng hợp và đề xuất với cơ quan cấp tỉnh về những bất cập trong cơ chế, chính sách áp dụng trên địa bàn huyện;

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

V. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành, các xã, thị trấn và được rà soát kỹ lưỡng các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 xác định: tổng số dự án là 61 dự án/ 277,53 ha, trong đó có 50 dự án/ 270,72 ha được chuyển từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và bổ sung mới 11 dự án/ 6,81 ha.

Có 35 dự án/ 171,64 ha cần thu hồi đất, trong đó thu hồi theo khoản 3 Điều 62 luật đất đai năm 2013 là 29 dự án/ 168,27 ha.

Có 17 dự án/ 176,79 ha sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, trong đó: sử dụng đất trồng lúa trên 10 ha là 02 dự án/ 63,73 ha,

Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.